TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 27 - 4 - 2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Hà Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Địa chỉ trụ sở chính: Số X N, phường V, Quận B, Thành phố H; địa chỉ liên hệ: Số Y, đường T, Khóm N, Phường BA, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh B (Theo Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021).

Ông Nguyễn Chí T ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông Phạm Thanh D - Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh B (Theo Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 1308/2022/GUQ-CNBL ngày 30/12/2022) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn S, sinh năm 19ZZ. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 23/12/2022 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) là ông Phạm Thanh D trình bày: Ngày 15/01/2019, ông Dương Văn S với Ngân hàng ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông S, ngày 15/01/2019 Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hai bên có thỏa thuận chốt thông báo giao dịch vào ngày 22 hàng tháng thông qua hình thức Email. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 80.725.755 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/9/2021, ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 76.117.000 đồng, thì không thanh toán cho Ngân hàng thêm khoản tiền nào nữa nên sau 03 kỳ thông báo giáo dịch, ông S không thanh toán thì từ ngày 23/12/2021 Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng thẻ của ông S và toàn bộ số tiền nợ của ông S là 22.686.275 đồng đã quá hạn và chuyển thành nợ gốc. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông S trả nợ, tuy nhiên ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký . Nay Ngân hàng yêu cầu ông S thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 27/4/2023 là 37.166.847 đồng, trong đó nợ gốc là 22.686.275 đồng và lãi quá hạn 14.480.572 đồng; tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 27/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) đến khi ông S thanh toán hết nợ. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu gì khác và không trình bày gì thêm.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn ông Dương Văn S: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông S đến Tòa án, nhưng ông S không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông S đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp và do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ

luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông S. Buộc ông S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 27/4/2023 là 37.166.847 đồng (trong đó, nợ gốc 22.686.275 đồng, nợ lãi 14.480.572 đồng) và tiền lãi quá hạn quy định tại hợp đồng phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày 27/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí, ông S phải chịu theo quy định của pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Ngân hàng yêu cầu ông S thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/01/2019 (gọi chung là Hợp đồng tín dụng) đã ký kết. Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng thể hiện vào thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì ông S cư trú tại ấp H, xã H, huyện V, tỉnh B. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, mặc dù chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, nhưng ông S đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Ngân hàng cũng như chính quyền địa phương; đây được xem là trường hợp ông S che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông S đã được triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bđã triệu tập ông S hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/01/2019 được ký kết giữa ông S với Ngân hàng Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh L, có cơ sở khẳng định ông S đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng. Theo Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện, ông S có trách nhiệm thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng vào ngày 22 hàng tháng.

Theo khoản 26.1 Điều 26 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018 quy định "*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến ngày thứ 10 của kỳ thông báo giao dịch lần 2 thì toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sẽ chuyển sang nợ quá hạn. Trong trường hợp này, tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và doanh nghiệp phải thanh toán*" và theo điểm b) khoản 26.4 Điều 26 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018 quy định "*Sau 03 kỳ thông báo giao dịch nếu chủ thẻ không thanh toán Ngân hàng sẽ chấm dứt việc sử dụng của chủ thẻ"*. Ông S thanh toán kỳ cuối cùng là ngày

22/9/2021 số tiền 1.657.000 đồng thì không thanh toán nữa nên sau 03 kỳ thông báo giao dịch ông S không thanh toán thì từ ngày 23/12/2021 Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng thẻ của ông S và toàn bộ số tiền nợ của ông S là 22.686.275 đồng đã chuyển thành nợ gốc. Xét thấy, ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng và đến nay khoản nợ nêu trên của ông S đã quá hạn thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S thanh toán số tiền nợ gốc 22.686.275 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông S thanh toán nợ lãi quá hạn 14.480.572 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* và điểm a) khoản 25.1 Điều 25 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018 quy định: *"Đối với giao dịch mua bán hàng hóa/thanh toán thẻ trực tuyến (không áp dụng với thẻ nội địa, phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên thẻ): Nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn theo thông báo giao dịch, chủ thẻ phải thanh toán lãi cho Sacombank đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trên thẻ cho đến khi toàn bộ các khoản nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn"*. Do vậy, sau 03 kỳ thông báo giao dịch kể từ thời điểm ông S ngừng thanh toán gốc và lãi theo thỏa thuận cho Ngân hàng, ngày 23/12/2021 số nợ gốc 22.686.275 đồng đã chuyển sang nợ quá hạn nên việc Ngân hàng yêu cầu ông S phải thanh toán tiền lãi quá hạn kể từ ngày 23/12/2021 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) với số tiền 14.480.572 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Như vậy, tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) mà ông S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng là 37.166.847 đồng.

[5] Ngân hàng yêu cầu ông S phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trên hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, nên buộc ông S phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo ngày 27/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[6] Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông S thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không buộc ai khác cùng ông S có trách nhiệm thanh toán các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông S phải chịu 5% trên tổng số tiền ông S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng, bằng 5% x 37.166.847 đồng = 1.858.342 đồng. Ngân hàng không phải nộp án phí, đã dự nộp 831.110 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001398 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại.

[8] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.3 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Dương Văn S về việc yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) là 37.166.847 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc là 22.686.275 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 14.480.572 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trên hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày 27/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

2. Buộc ông Dương Văn S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh B nhận theo hợp đồng đã ký kết) số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2023) là 37.166.847 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc là 22.686.275 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng), nợ lãi quá hạn là 14.480.572 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm tám mươi nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo ngày 27/4/2023 (ngày xét xử sơ thẩm), ông Dương Văn S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thì lãi suất mà ông Dương Văn S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

4. Về án phí: Ông Dương Văn S phải nộp 1.858.342 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh L.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí 831.110 đồng (Tám trăm ba mươi mốt nghìn một trăm mười đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001398 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh B, được hoàn lại.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Mỹ Xuyến